

PHẦN II

MỸ HỌC MÁC - LÊNIN

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MỸ HỌC MÁC - LÊNIN

Từ khi hình thành khoa học triết học cho đến thế kỷ thứ XVIII, tư tưởng mỹ học vẫn chưa có một đối tượng riêng mà chỉ như phần của triết học. Cùng với sự phát triển của xã hội loài người nói chung, đời sống thẩm mỹ, đời sống nghệ thuật của – cũng phát triển và đạt đến độ nở rộ ở thời Phục hưng và khai sáng. Lúc đó, những nguyên lý chung của triết học đã không thể giải quyết hết những vấn đề riêng của đời sống thẩm mỹ, đặc biệt là các hoạt động thuộc lĩnh vực nghệ thuật. Từ đó, nảy sinh nhu cầu phải có một môn khoa học mới – mỹ học. Năm 1750, Baumgarten đã cho xuất bản cuốn mỹ học đầu tiên, ở đó ông xác định môn học này là nghiên cứu việc nhận thức thế giới bằng cảm xúc.

Thời kỳ cổ điển Đức, Kant cho đối tượng của mỹ học là lĩnh vực sự phán đoán về thị hiếu thẩm mỹ, như vậy chỉ nhấn mạnh yếu tố chủ quan mà giản lược đi yếu tố khách quan, đây là yếu tố không kém phần quan trọng của chủ thể thẩm mỹ.

Giữa thế kỷ XIX, Trécnetxépki coi đối tượng của mỹ học là quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực và xác nhận “cái đẹp là cuộc sống” mà không xem xét nghệ thuật một cách thoả đáng trong hệ thống mỹ học của mình.

Trên cơ sở phương pháp luận của phép biện chứng duy vật và tiền đề sự phát triển phong phú, đa dạng của đời sống văn hoá thẩm mỹ của thế giới mà phần tập trung cao nhất của nó là tình hình hoạt động văn hoá nghệ thuật được phản ánh một cách sâu rộng, nhanh nhạy kịp thời, sinh động qua các phương tiện thông tin đại chúng cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, có thể thấy mỹ học phải nghiên cứu mặt thẩm mỹ của đời sống xã hội.

Mặt thẩm mỹ của đời sống xã hội là biểu hiện quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực. Hai phương diện đối lập nhau trong quan hệ thẩm mỹ này là khách thể thẩm mỹ và chủ thể thẩm mỹ. Chúng tác động qua lại lẫn nhau ở trình độ cao nhất, tập trung nhất trong nghệ thuật. Do đó, nghệ thuật như phương thức và kết quả cao nhất của sự tác động qua lại lẫn nhau giữa khách thể thẩm mỹ và chủ thể thẩm mỹ.

Khách thể thẩm mỹ mà mỹ học quan tâm nghiên cứu bao gồm các hiện tượng thẩm mỹ và các phạm trù mỹ học như kết quả nhận thức các hiện tượng thẩm mỹ ở trình độ cao nhất, những mối liên hệ chung nhất, bản chất nhất của các hiện tượng thẩm mỹ như các phạm trù cái đẹp, cái bi, cái hài, cái cao cả.

Chủ thể thẩm mỹ mà mỹ học khảo sát là con người vào thời khắc mà con người dường như bước ra khỏi các quan hệ thực tế – thực dụng và đắm mình vào các hoạt động thường ngoạn, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ. Những khách thể mà chủ thể nhằm tới mang tính tự do, không lệ thuộc bởi các ràng buộc thực dụng, vụ lợi bên ngoài mà chủ yếu trên cơ sở của tình cảm thoả mãn, những khoái cảm tinh thần. Vì thế, mỹ học khái quát những nét căn bản về bản chất chủ thể thẩm mỹ, tức là ý thức thẩm mỹ cùng với các yếu tố cơ bản của nó như tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, lý tưởng thẩm mỹ ...

Nghệ thuật là một lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội được nhiều kiểu dạng hoạt động lý luận quan tâm đến như: sử học, xã hội học. Mỗi kiểu dạng lý luận nói trên do mục đích nghiên cứu khác nhau, những vấn đề của nghệ thuật và đánh giá chúng cũng theo các cách không hoàn toàn giống nhau. Nghệ thuật chiếm một phần quan trọng nhất trong đối tượng nghiên cứu của mỹ học, nó được xem xét ở hai phương diện căn bản: bản chất xã hội của nghệ thuật như là biểu hiện các khía cạnh chung nhất của hoạt động thẩm mỹ và đặc trưng thẩm mỹ của nghệ thuật là phương thức, phương tiện phản ánh.

Như vậy, mặc dù có thể có những phương diện khác nhau về mỹ học, nhưng vẫn có nét cơ bản giống nhau đó là quan niệm *mỹ học như một khoa học triết học, nghiên cứu quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực, trong đó có cái đẹp là trung tâm, nghệ thuật là đỉnh cao của quan hệ ấy.*

Là một khoa học triết học, mỹ học có quan hệ trước nhất với triết học, nó nhận thế giới quan, phương pháp luận từ triết học. Đối với các nghệ thuật học, tức là các khoa học nghiên cứu loại hình nghệ thuật cụ thể tương ứng, mỹ học lại cung cấp những nguyên lý phổ biến cho chúng. Ngược lại, các nghệ thuật học do bám sát thực tiễn sinh động, cung cấp cho mỹ học những tài liệu, dữ kiện trong loại hình nghệ thuật của mình cho mỹ học, từ đó mỹ học có thể khái quát được những xu hướng vận động và phát triển của đời sống văn hoá nghệ thuật xã hội. Những nhận định của mỹ học giúp cho triết học xây dựng bức tranh tổng thể bằng các quy luật về cả tự nhiên, xã hội và tư duy.

Mỹ học còn có quan hệ khá mật thiết với các khoa học khác như văn hoá học, tâm lý học, chính trị học, xã hội học, giáo dục học, tôn giáo học ... các quan hệ này dựa trên cơ sở chung là cùng nghiên cứu một đối tượng căn bản: đó chính là con người với các khía cạnh tinh tế và phức tạp của nó. Vì thế khi xem xét về bất cứ vấn đề gì, mỹ học không thể không quan tâm đến những nhận định của các khoa học xã hội và nhân văn khác về nó.

Mỹ học Mác – Lênin là một hệ thống tri thức hoàn chỉnh với ba mảng chính: lịch sử sự phát triển tư tưởng mỹ học, lý luận cơ bản và nghiên cứu mỹ học – triết học ngoài mácxít. Lịch sử tư tưởng mỹ học từ chỗ tìm “mối liên hệ giữa các thời đại” lý giải sự nảy sinh, phát triển và suy vong của các tư tưởng mỹ học cùng với việc dựng lại một cách căn bản các hệ thống lý luận cơ bản mới với đối tượng, các phạm trù, các nguyên lý mới. Trên cơ sở của các nguyên tắc đó mà đánh giá lại những mặt tích, những khía cạnh còn hạn chế của trường phái mỹ học trong lịch sử.

II. QUAN HỆ THẨM MỸ

1. Khái niệm quan hệ thẩm mỹ

a. Quan hệ thẩm mỹ là gì?

- Thẩm mỹ trong tiếng Việt, có nghĩa là sự đánh giá về phương diện hẹp (thẩm là đánh giá, thẩm định; mỹ là đẹp), song thường được hiểu một cách nôm na là “thuận mắt”, “thuận tai” ... còn trong mỹ học Mác – Lênin, cái thẩm mỹ được coi là một “siêu” phạm trù vì chính nó đã mang lại tên gọi cho khoa học mỹ học và quy định đối tượng nghiên cứu của mỹ học. Đối tượng ấy được thể hiện ra ở các phương diện: cái thẩm mỹ khách quan trong tự nhiên, trong đời sống xã hội, trong sáng tạo nghệ thuật: cái thẩm mỹ chủ quan hay ý thức thẩm mỹ gắn liền với chủ thể thưởng thức, đánh giá, sáng tạo thẩm mỹ.

- Trong xã hội tồn tại chẳng chịt các mối quan hệ xã hội, đó là những quan hệ giữa người và người, các quan hệ xã hội. Đan xen vào những quan hệ xã hội ấy có một quan hệ đặc

biệt: quan hệ thẩm mỹ. Đây là quan hệ của con người đối với hiện thực, là sự liên hệ tinh thần của chủ thể với khách thể trên cơ sở sự hứng thú không vụ lợi trực tiếp, được gọi lên bởi khoái cảm tinh thần ở chủ thể khi tiếp xúc với khách thể.

- Trong mỹ học nói quan hệ tức là nói sự tương tác giữa các phương diện của nó. Trong quan hệ thẩm mỹ, phương diện thứ nhất là chủ thể thẩm mỹ. Con người xã hội, các cộng đồng người trong hoạt động thường thức, đánh giá, sáng tạo giá trị thẩm mỹ. Các sự vật, hiện tượng có giá trị thẩm mỹ trong quan hệ đối với chủ thể được xem là khách thể thẩm mỹ.

- Khi xem xét chủ thể thẩm mỹ và khách thể thẩm mỹ, một khái niệm luôn được sử dụng là khái niệm giá trị thẩm mỹ: đó là loại giá trị đặc biệt. Nó là một loại ý nghĩa của các hiện tượng vật chất cũng như tinh thần thoả mãn nhu cầu, phục vụ lợi ích của con người. Ở đây, các hiện tượng được đánh giá dưới góc độ có ý nghĩa thiết thực hay không, có ý nghĩa tích cực hay tiêu cực đối với đời sống xã hội. Ngoài những nét chung với các loại giá trị khác, giá trị thẩm mỹ có những đặc tính nổi trội hơn: tính trực tiếp cảm tính của sự tiếp xúc giữa chủ thể và khách thể, tính hứng khởi tinh thần không vụ lợi trực tiếp của chủ thể trước sự đánh giá hình thức có tính nội dung, cấu trúc, quy mô tổ chức ... của các thực thể hiện hữu.

- Trong quan hệ thẩm mỹ có một thao tác xuyên suốt, thường trực của chủ thể thẩm mỹ đối với khách thể thẩm mỹ đó là đánh giá thẩm mỹ. Đánh giá thẩm mỹ là khả năng xác lập giá trị thẩm mỹ của một khách thể nào đó, là kết quả nhận thức của tri giác thẩm mỹ, thường được định lại trong phán đoán dạng: “Cái này đẹp!” hay “Thật là cao thượng”.

- Đánh giá thẩm mỹ có tính tất yếu khi có sự tiếp xúc của chủ thể với khách thể thẩm mỹ; nó cho kết quả ngay lập tức trong hoặc sau quá trình tiếp xúc. Sự đánh giá thẩm mỹ giúp chủ thể thẩm mỹ xếp khách thể thẩm mỹ vào một loại hiện tượng thẩm mỹ nào đó (đẹp hay không đẹp, bi hay hài, cao thượng hay thấp hèn).

- Khi đánh giá thẩm mỹ, chủ thể đánh giá đồng thời cả nội dung và hình thức của đối tượng. Ở giai đoạn tiếp xúc đầu tiên của chủ thể với đối tượng thì đánh giá hình thức là chủ yếu. Càng tiếp xúc với đối tượng lâu hơn, chủ thể càng chú trọng đánh giá nội dung hơn nhiều.

- Kết quả của đánh giá thẩm mỹ bao giờ cũng thể hiện sự thống nhất giữa yếu tố khách quan và mối quan hệ tinh thần – tình cảm của chủ thể trước đối tượng, thể hiện dưới dạng những cảm xúc, những rung động, bộc lộ cả nhu cầu thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, lý tưởng thẩm mỹ ...

b. Nguồn gốc, bản chất của quan hệ thẩm mỹ

- Trong lịch sử, mỹ học có nhiều quan điểm khác nhau về nguồn gốc, bản chất của quan hệ thẩm mỹ.

- *Chủ nghĩa duy tâm khách quan* cho rằng, quan hệ thẩm mỹ bắt nguồn từ thế giới tinh thần, siêu nhiên. Platôn khẳng định cái Chân – Thiện – Mỹ nằm ở “thế giới ý niệm”, chúng chỉ tồn tại như những khái niệm, không có nội dung thực tế. Còn với cái đẹp cảm tính được ông xem như là cái thấp kém, không đáng để nhận thức. Platôn coi quan hệ thẩm mỹ là quan hệ của những con người trí tuệ với thế giới siêu nhiên.

Hêghen cũng giải thích nguồn gốc của cái thẩm mỹ và nghệ thuật là “ý niệm tuyệt đối”. Với cách lý giải như vậy, Hêghen đã xem quan hệ thẩm mỹ có tính chất phi hiện thực. Ông tuyệt đối hoá cái đẹp trong nghệ thuật, cho nó bắt nguồn từ ý niệm tuyệt đối. Còn cái đẹp trong tự nhiên và xã hội là tản mạn, thấp kém, không có tinh thần.

- *Chủ nghĩa duy tâm chủ quan* xuất phát từ thị hiếu thẩm mỹ chủ quan của con người và gạt bỏ các hiện tượng thẩm mỹ khách quan. Chẳng hạn, như Kant, Hium, Bécxông đã tuyệt đối hoá vai trò của chủ thể thẩm mỹ, họ coi nguồn gốc của tình cảm thẩm mỹ là con người tự tìm thấy khoái cảm trong bản thân mình, nguồn gốc của quan hệ thẩm mỹ thuần túy là những phán đoán thẩm mỹ chủ quan của chủ thể thẩm mỹ ...

- *Chủ nghĩa duy vật trước Mác* với các đại biểu như Đêmocrit, Đidrô, Trécnuxépki ... đã coi nguồn gốc, bản chất của quan hệ thẩm mỹ là ở trong tự nhiên và trong xã hội. Đó là các thuộc tính tự nhiên của sự vật như cân xứng, hài hoà, tỷ lệ, cơ sở của cái đẹp. Quan hệ giữa cái đẹp và cái có ích, giữa cái đẹp và cái thiện ... là nguồn gốc tình cảm thẩm mỹ của con người trong quan hệ thẩm mỹ.

Các nhà duy vật trước Mác đã tuyệt đối hoá thuộc tính tự nhiên ít chú ý đến phương diện xã hội và xem nhẹ tách rời với sự đánh giá chủ quan của chủ thể thẩm mỹ.

Mỹ học Mác – Lênin tiếp thu trên tinh thần phê phán các tư tưởng mỹ học trong lịch sử. Đứng trên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đã khẳng định nguồn gốc, bản chất của quan hệ thẩm mỹ: Quan hệ thẩm mỹ là kết quả của quá trình hoạt động sản xuất vật chất và đấu tranh xã hội, nó chính là quá trình phát hiện, cảm thụ các thuộc tính thẩm mỹ của thế giới và sáng tạo ra những giá trị thẩm mỹ trong đời sống văn hoá nghệ thuật của con người.

Mỹ học Mác – Lênin một mặt khẳng định cơ sở khách quan của quan hệ thẩm mỹ là các hiện tượng thẩm mỹ nảy sinh và tồn tại trong đời sống hiện thực, mặt khác nhấn mạnh tính chủ động, tích cực của chủ thể thẩm mỹ trong mối quan hệ với khách thể thẩm mỹ.

Mỹ học Mác – Lênin còn thừa nhận quan hệ thẩm mỹ mang bản chất xã hội, ở đó những vấn đề giai cấp, dân tộc, thời đại được phản ánh tương đối đậm nét.

2. Tính chất cơ bản của quan hệ thẩm mỹ

Tính chất thứ nhất của quan hệ thẩm mỹ là tính chất xã hội, nó được thể hiện bởi một số đặc tính:

- Sự ra đời của quan hệ thẩm mỹ gắn liền với sự hình thành xã hội loài người. Trình độ phát triển của quan hệ thẩm mỹ thể hiện trình độ phát triển của xã hội.

- Quan hệ thẩm mỹ bao giờ cũng do con người trực tiếp tiến hành, do vậy nó mang rõ nét dấu ấn cá nhân, dấu ấn những phẩm chất xã hội của con người thực hiện nó.

- Quan hệ thẩm mỹ bao giờ cũng mang tính lịch sử, tính giai cấp.

Quan hệ thẩm mỹ ảnh hưởng tích cực đến các quan hệ xã hội khác và bản thân nó lại bị các quan hệ xã hội khác chi phối.

Tính chất thứ hai là tính trực tiếp – cảm tính, tức là đối tượng được đánh giá phải là những sự vật, hiện tượng toàn vẹn, cụ thể – cảm tính hay nói một cách khác, chúng hiện hữu, có thật và chủ thể có thể cảm nhận được một cách trực tiếp thông qua các giác quan của con người.

Các giác quan của chủ thể thẩm mỹ rất quan trọng, đặc biệt trong quan hệ thẩm mỹ thì hai giác quan là tai và mắt được phát triển cao về cả phương diện tự nhiên lẫn phương diện xã hội để có thể cảm nhận khách thể thẩm mỹ.

Quan hệ thẩm mỹ, không thể thực hiện nếu thiếu sự tiếp xúc trực tiếp của chủ thể với đối tượng. Đây là yếu tố mang tính điều kiện của quan hệ thẩm mỹ.

Mặc dù ở các mức độ nhất định, tri thức lý tính luôn luôn chi phối tri thức cảm tính, nhưng thông thường kết quả của đánh giá thẩm mỹ phần lớn do yếu tố cảm tính trực tiếp quyết định.

Tính chất thứ ba là tính tình cảm. Tình cảm giữ vai trò động lực trong quan hệ thẩm mỹ, trong các hoạt động thưởng thức, đánh giá và sáng tạo thẩm mỹ và nó đặc biệt quan trọng đối với sáng tạo nghệ thuật, hoạt động thẩm mỹ ở trình độ cao nhất của chủ thể thẩm mỹ. Tình cảm là sự hệ thống và liên kết những cảm xúc, những rung động trực tiếp cụ thể khi phản ánh cuộc sống. Ngoài ba tính chất cơ bản nói trên người ta còn có thể nói đến một số tính chất khác như tính thời đại, tính dân tộc, tính giai cấp, tính cá nhân ... Nhưng xét đến cùng chúng cũng chỉ là hệ quả phát sinh của ba tính chất cơ bản đã nêu.

III. KHÁCH THỂ THẨM MỸ

1. Các hiện tượng thẩm mỹ

Trong mỹ học Mác – Lênin đã từng tồn tại hai quan niệm đối lập nhau về bản chất của các hiện tượng thẩm mỹ: quan niệm của những người “duy tự nhiên” cho những phẩm chất, các thuộc tính tự nhiên của các sự vật, hiện tượng giữ vai trò quyết định các sự vật hiện tượng ấy là hiện tượng thẩm mỹ. Ngược lại, quan niệm của những người “duy xã hội” lại xem vai trò quyết định là ở những nhận định của xã hội trong quá trình hoạt động thực tiễn đã đi đến “người hoá” những tính chất của các sự vật, các giá trị thẩm mỹ.

Để tránh những cực đoan ấy, một mặt cần xác nhận những cơ sở khách quan của các hiện tượng thẩm mỹ: đó là những kết cấu hình thức – nội dung, là màu sắc dáng vẻ, là mức độ hài hoà tương xứng giữa các bộ phận trong một chỉnh thể với nhau và chính sự vật trong tính chỉnh thể của nó với môi trường xung quanh.

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đây, hiện tượng vẫn chưa xuất hiện với tư cách là các hiện tượng thẩm mỹ, vì vậy phải đi đến xem xét cơ sở chủ quan của các hiện tượng thẩm mỹ. Trong hoạt động của con người có ý thức nhằm đồng hoá thực tại biến thực tại, giới tự nhiên từ bỏ chỗ “tự nó” thành “cho ta” các thuộc tính như màu sắc, dáng vẻ, sự tương xứng ... làm cho con người rung cảm, những rung cảm này không bắt nguồn trực tiếp từ sinh lý của con người chính khi đó các sự vật hiện tượng nói trên mới bộc lộ với tư cách là các hiện tượng thẩm mỹ. Như vậy, cơ sở của các hiện tượng thẩm mỹ là sự thống nhất giữa yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan, giữa các phẩm chất thuộc về các sự vật hiện tượng khách quan và những rung cảm của chủ thể khi thưởng ngoạn các thuộc tính thẩm mỹ ấy.

Các hiện tượng thẩm mỹ xuất hiện trong cuộc sống rất đa dạng. Sự đa dạng ấy được thể hiện ở hai phương diện: Thứ nhất, bản thân các sự vật, hiện tượng có chứa đựng giá trị thẩm mỹ trong quan hệ với con người thực sự phong phú; Thứ hai, các trạng thái rung cảm ở con người phức tạp và không giống nhau, thậm chí đôi khi trái ngược nhau. Nhưng các hiện tượng thẩm mỹ không chỉ đa dạng mà còn thống nhất, chúng được xếp theo các xu hướng khác nhau, tùy thuộc vào giá trị thẩm mỹ mà chúng bộc lộ ra đối với chủ thể thẩm mỹ. Song dù cá thể có phức tạp đến mấy vẫn tồn tại sự tương đồng nhất định giữa các chủ thể thẩm mỹ với nhau, đó là một trong những cơ sở xác lập sự thống nhất của các hiện tượng thẩm mỹ với tiêu chí xác định.

Để phân loại các hiện tượng thẩm mỹ có hai loại tiêu chí chính:

Loại thứ nhất, áp dụng đối với các sự vật trong tự nhiên, bao gồm cả con người về phương diện hình thức của nó, căn cứ vào mức độ phát triển, hoàn thiện của các sự vật so với giống loài của mình.

Loại thứ hai, áp dụng đối với các hiện tượng xã hội, bao gồm cả con người xét về phương diện nội dung của nó, căn cứ vào mức độ phù hợp với tiến bộ xã hội. Trong trường hợp ít phổ quát hơn, còn có thể áp dụng loại tiêu chí thứ ba, đó là sự phù hợp với tính dân tộc, tính giai cấp, tính Đảng chính trị. Ở điều kiện có giai cấp và đấu tranh giai cấp tiêu chí này còn chi phối hai loại tiêu chí trên.

Căn cứ vào tiêu chí phân loại, có thể chia ra ba cặp hiện tượng thẩm mỹ cơ bản: đẹp – xấu, bi – hài, cao cả – thấp hèn trong đó có bốn hiện tượng được nghiên cứu sâu sắc và cho bốn phạm trù mỹ học cơ bản tương ứng: cái đẹp, cái bi, cái hài, cái cao cả.

Trong đời sống thẩm mỹ có hiện tượng thẩm mỹ theo nghĩa đầy đủ ít xuất hiện, chỉ thường gặp các hiện tượng thẩm mỹ phát sinh của các hiện tượng thẩm mỹ cơ bản. Thí dụ hiện tượng đẹp có các dạng phái sinh: xinh, duyên dáng, dễ thương, ưa nhìn, quyến rũ, gợi cảm và một số phẩm chất ở con người đôi khi được xem xét dưới góc độ thẩm mỹ: thông minh, nhân hậu, tốt bụng ... Hiện tượng xấu có các dạng phái sinh: xấu xa, xấu xí, què quặt, thui chột ... Hiện tượng thấp hèn có tác dụng phái sinh: đê tiện, khốn nạn, bi ối ... Hiện tượng cao cả có các dạng phái sinh: anh hùng, vĩ đại, hùng tráng, hùng vĩ ... Hiện tượng bi có các dạng phái sinh: bi ai, bi lụy, thống khổ, bi đát ... Hiện tượng hài có các dạng phái sinh: đáng cười, đáng châm biếm, đáng đả kích ...

Một loại hiện tượng thẩm mỹ nữa cũng hay gặp đó là hiện tượng thẩm mỹ giáp ranh, chúng dường như vừa thuộc loại hiện tượng thẩm mỹ này, vừa thuộc loại hiện tượng thẩm mỹ kia, thí dụ hiện tượng bi hùng, hiện tượng bi hài.

Các hiện tượng thẩm mỹ có mối quan hệ biện chứng với nhau, có khả năng chuyển hoá lẫn nhau đối lập với đẹp là xấu, trong hiện tượng đẹp có yếu tố xấu cũng như trong hiện tượng xấu có yếu tố đẹp. Đẹp và xấu giả định lẫn nhau. Vì vậy, chỉ được xem là đẹp, là xấu trong những xu hướng, những quan hệ nhất định. Khi quy mô tính chất của hiện tượng đẹp quá lớn, yếu tố xấu trong nó triệt tiêu hoặc nhỏ không đáng kể, hiện tượng đẹp vượt độ, trở thành cao cả. Ngược lại, khi quy mô, tác hại của hiện tượng xấu quá lớn, yếu tố đẹp trong nó không còn đáng kể, hiện tượng xấu vượt độ mà thành thấp hèn. Đó là kiểu quan hệ theo cấp độ.

Hiện tượng đẹp luôn luôn tồn tại trong trạng thái đấu tranh với hiện tượng xấu. Trong trường hợp nó bị thất bại trong cuộc đấu tranh ấy sẽ xuất hiện hiện tượng bi. Ngược lại hiện tượng xấu thường đội lốt, nguy trang trong yếu tố đẹp mỏng manh mà nó có ít nhiều. Khi việc nguy trang thất bại bất ngờ, bản chất xấu phơi bày đột ngột sẽ xuất hiện hiện tượng hài. Đây là mối quan hệ theo tình thái.

Trong đời sống xã hội, cùng một hiện tượng nhưng được đánh giá về phương diện thẩm mỹ theo các cách khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Nguyên nhân của tình trạng này là ở những cá nhân khác nhau, cộng đồng người, tập đoàn người khác nhau có mục đích sống khác nhau. Đó là mối quan hệ theo thời gian và không gian của các hiện tượng thẩm mỹ.

2. Phạm trù cái đẹp

a. Bản chất của cái đẹp

Thời Hy Lạp cổ đại, xuất phát từ thế giới quan cho rằng thế giới các vật thụ cảm là cái bóng của thế giới ý niệm, Platôn thừa nhận vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng, nhưng lại cho

vẻ đẹp ấy chỉ thoáng qua, nhất thời. Ông cho cái đẹp vĩnh hằng là cái đẹp trong ý niệm, các đồ vật đẹp chỉ là cái bóng của ý niệm đẹp.

Hêghen – nhà duy tâm khách quan người Đức mặc dù thừa nhận cái đẹp của tự nhiên, nhưng ông lại loại trừ nó ra khỏi đối tượng nghiên cứu của mỹ học, vì cho rằng cái đẹp trong tự nhiên chỉ là phản ánh cái đẹp thuộc về tinh thần. Ông quan niệm cái đẹp như là một sự thể hiện đặc biệt của ý niệm tuyệt đối dưới hình thức cụ thể cảm tính. Sự hài hoà cân xứng ông chỉ coi là dấu hiệu của cái đẹp. Ông khẳng định cái đẹp trong tự nhiên hấp dẫn hơn cái đẹp trong nghệ thuật. Ông đồng nhất cái đẹp trong nghệ thuật với lý tưởng và lý giải đó là sự kết hợp cân đối giữa nội dung và hình thức. Ngay trong nghệ thuật, cái đẹp cũng tùy thuộc vào sự tương xứng giữa nội dung và hình thức.

Về mỹ học, Kant được coi là người có tư tưởng duy tâm chủ quan một cách nhất quán, ông cho rằng cái đẹp hoàn toàn phụ thuộc vào chủ thể cảm thụ nó, “vẻ đẹp không phải ở má hồng cô thiếu nữ mà ở trong mắt kẻ si tình”. Nhưng xuất phát từ lý luận nhận thức có tính nhị nguyên, ông lại khẳng định cái đẹp không có khái niệm, không xác định và đi đến nhận định cái đẹp thật sự là cái đẹp thuần khiết, không vụ lợi. Những vẻ đẹp gắn với công dụng thực tiễn ông gọi là vẻ đẹp kèm theo hay vẻ đẹp loại hai.

Khác với chủ nghĩa duy tâm, xu hướng duy vật bàn về bản chất của cái đẹp có Hêraclit, nhà tư tưởng duy vật có tính biện chứng chất phát đồng nhất cái đẹp với sự hài hoà, còn bản thân sự hài hoà là thống nhất giữa các mặt mâu thuẫn. Ông phát hiện ra tính chất tương đối của vẻ đẹp và tuyên bố con khi dù đẹp nhất nếu so với người vẫn là xấu, giống như trí tuệ của người thông minh nhất nếu so với thượng đế vẫn là ngu dốt.

Nhà nguyên tử luận Êmôcrít phát hiện vẻ đẹp có quy mô vừa phải, nó tồn tại trong sự cân xứng, có chừng mực giữa các bộ phận trong một chỉnh thể, ông quan niệm cái đẹp tồn tại khách quan, gắn với các sự vật như là các thực thể.

Như Arixtôt – một nhà bách khoa toàn thư và được coi là nhà lịch sử triết học đầu tiên, tiếp nhận các tiêu chí mà các nhà tư tưởng đi trước đưa ra, đồng thời bổ sung các dấu hiệu của cái đẹp như hoà nhịp, cân xứng, xác định, chỉnh thể. Theo chân các nhà tư tưởng duy vật tiền bối, Arixtôt dường như quy cái đẹp về các thuộc tính vật chất của nó.

Trécnuxépki, nhà dân chủ cách mạng Nga đã có một bước tiến so với các nhà duy vật Hy Lạp cổ đại. Ông cho cái đẹp là cuộc sống, “một sinh thể đẹp là qua chúng ta nhìn thấy cuộc sống đúng như quan niệm của chúng ta, một sự vật đẹp là một sự thể hiện cuộc sống hoặc nó nhắc ta nghĩ đến cuộc sống”.

Như vậy, các quan niệm mỹ học – triết học về cái đẹp trước chủ nghĩa Mác đều không tránh khỏi tính phiến diện ở mức độ này hay mức độ khác khi họ hoặc xác định nguồn gốc của cái đẹp là ý niệm hay tinh thần tuyệt đối, hoặc xác định nguồn gốc của cái đẹp từ cảm xúc chủ quan của cá nhân, hoặc tuyệt đối hoá tính khách quan của vẻ đẹp, đồng nhất cái đẹp với những thuộc tính vật chất – vật lý của các sự vật, hiện tượng.

Để tránh khỏi nhược điểm mà các quan điểm khác đã mắc phải, mỹ học Mác – Lênin trước tiên xác định cái đẹp là một phạm trù mỹ học, mà không đồng nhất nó với các biểu hiện cụ thể đơn lẻ của nó là các vẻ đẹp sinh động, riêng lẻ, ngẫu nhiên, trong đời sống thường ngày.

Trong số các phạm trù mỹ học, phạm trù cái đẹp giữ vị trí trung tâm được thể hiện ở ba phương diện: trong cuộc sống thường ngày, trong lý luận nghệ thuật và trong mỹ học. Trong cuộc sống, với bản tính người của mình, con người “nhào nặn vật chất theo những quy luật của cái đẹp” (Mác) nghĩa là khác với loài vật, con người sản xuất một cách vạm vỡ

thoát khỏi nhu cầu thể xác, mang tính sinh vật của mình, sản xuất theo kích thước của mọi loài và tự do đối lập với sản phẩm của mình. Ngoài hoạt động sản xuất, trong các hoạt động khác như tiêu dùng, giao tiếp, giải trí ...

Trong lý luận nghệ thuật, trong mỹ học, phạm trù cái đẹp được nghiên cứu và được hoàn chỉnh trước hết: từ hệ tiêu chuẩn của nó, người ta xây dựng phạm trù mỹ học cơ bản khác.

Đối với nghệ thuật, khát vọng vươn tới sự hoàn thiện, hoàn mỹ là nguyên nhân cơ bản và mục đích chân chính của mọi trường phái nghệ thuật, mọi nghệ sĩ. Những khía cạnh của cuộc sống được phản ánh và trong các tác phẩm nghệ thuật xét đến cùng đều xuất phát từ lý tưởng đẹp của nghệ sĩ.

Cái đẹp có cơ sở khách quan từ mức độ của sự hài hoà mà biểu hiện cụ thể, chi tiết ra như sự cân xứng, tương xứng, đối xứng, hợp lý, sự vật được trải ra với một nhịp điệu tiết tấu nhất định ... Nhưng những yếu tố có tính khách quan này chỉ được đánh giá là đẹp khi nó phù hợp với những trạng thái tâm sinh lý nhất định trước số đông những người chiêm ngưỡng cảm thụ. Tức là chúng cũng được xem xét, đánh giá là tích cực tùy theo những điều kiện lịch sử – xã hội nhất định như tính dân tộc, tính giai cấp, tính Đảng phái, nghề nghiệp, lứa tuổi ... của chủ thể thẩm mỹ.

Sự vật, hiện tượng được đánh giá là đẹp phải diễn ra hoặc được phản ánh lại một cách chân thực, nghĩa là nó không thể giả dối. Sự chân thực này không đồng nhất với chân lý trong triết học, nó không nhất thiết phải phản ánh chính xác hiện thực khách quan mà chủ yếu phải phù hợp với quan niệm của xã hội, dư luận của cộng đồng. Nhưng các quan niệm, dư luận nói trên không được trái ngược với hiện thực mà phải vận động theo xu thế, theo lôgic của lịch sử. Vì vậy, có nhiều hiện tượng mặc dù có thật vẫn không được đánh giá là đẹp không có nghĩa là có thật hoàn toàn.

Đối tượng được đánh giá là đẹp ở trong một chừng mực nhất định phải có sự thống nhất với điều kiện hoặc ít nhất không bị đánh giá là ác, tức là không làm hại đến cuộc sống bình yên của các cá nhân và xã hội – sự vật trong tự nhiên được nhìn nhận là đẹp thông thường đã nhân hoá, được coi là biểu tượng của một phẩm giá nào đó ở con người. Những con người xã hội, những hiện tượng xã hội chỉ được đánh giá là đẹp khi nó góp phần mang lại lợi ích cho con người, cho xã hội.

Trước đối tượng được bản thân mình đánh giá là đẹp, người cảm thụ thường trong trạng thái hân hoan, vui sướng, thích thú một cách vô tư trong sáng. Song, như vậy không có nghĩa là tình cảm với các sự vật đẹp được tách rời hoàn toàn khỏi những đòi hỏi thực tiễn của con người. Về sâu xa, nó là sự kết tinh của những tình cảm nhân loại về các hiện tượng đẹp. Những tình cảm ấy nảy sinh trong quá trình lao động: người ta thấy được sự gắn bó giữa vẻ đẹp và sự tiện ích. Ở thời đại ngày nay, có thể có rất nhiều người không tham gia lao động trực tiếp, họ có thể không nhận biết được sự tiện ích của các đồ vật như là kết tinh của sức lao động, nhưng những sự vật đẹp đối với họ ít nhất không đe dọa cuộc sống mà thông thường làm cho cuộc sống của con người thấy dễ chịu hơn. Cái đẹp có tính lịch sử cụ thể, nghĩa là nó có thể bị khúc xạ trong những điều kiện lịch sử xã hội, giai cấp, nghề nghiệp, dân tộc, giới tính, tuổi tác của người đánh giá. Cảm quan của người đánh giá càng phù hợp với xu thế của tiến bộ xã hội bao nhiêu thì cách đánh giá càng có tính tích cực bấy nhiêu.

Như vậy, cái đẹp là phạm trù mỹ học trung tâm, phản ánh giá trị thẩm mỹ tích cực ở các sự vật, hiện tượng mang lại khoái cảm vô tư, trong sáng cho con người.

b. Các lĩnh vực biểu hiện của cái đẹp

Nói biểu hiện của cái đẹp tức là nói đến các sự vật, hiện tượng được đánh giá là đẹp, các vẻ đẹp cụ thể. Vì vẻ đẹp được cảm nhận chủ yếu qua thị giác và thính giác, nên nơi nào các giác quan này với tới được, nơi đó có biểu hiện của cái đẹp. Có thể phân ra ba lĩnh vực biểu hiện: trong tự nhiên, trong xã hội, trong nghệ thuật.

Ở lĩnh vực thứ nhất: người ta quy vào nó các sự vật, hiện tượng đẹp trong tự nhiên bao hàm trong đó cả con người xét về phương diện tự nhiên. Các sự vật hiện tượng trong tự nhiên nhìn chung là đẹp, nhất là khi chúng thể hiện sức sống và sự phát triển. Chẳng hạn các hiện tượng như nắng, mưa, gió ... được xem là đẹp trong chừng mực chúng phù hợp với các hoạt động và nguyện vọng của con người. Con người như một sinh thể tự nhiên được xem xét về đẹp về phương diện hình thức bao gồm các yếu tố: sắc diện, hình thể, âm sắc, dáng điệu, cử chỉ, ngôn từ ... mặc dù vậy những yếu tố này không phải chỉ là tự nhiên thuần túy mà có tính xã hội với mức độ khác nhau. Chúng bị chi phối với các điều kiện xã hội nhất định.

Ở lĩnh vực thứ hai: trong xã hội, vẫn phải quan tâm đến con người như một thực thể xã hội. Vẻ đẹp có tính xã hội ở con người hay còn gọi là vẻ đẹp nội dung của con người, vẻ đẹp của con người xét về phương diện xã hội, nó bao hàm các yếu tố tinh thần như tâm hồn, tình cảm, trí tuệ, tư tưởng. Với những yếu tố tinh thần ấy con người tham gia vào các lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội như đời sống chính trị, đạo đức, khoa học, văn hoá, nghệ thuật ... Khả năng đóng góp thúc đẩy những lĩnh vực tinh thần ấy càng cao, con người càng được đánh giá là đẹp. Vẻ đẹp hình thức của con người có ảnh hưởng lớn đến vẻ đẹp nội dung theo cả xu hướng tích cực lẫn tiêu cực. Nhìn chung, vẻ đẹp nội dung ở con người lâu bền hơn so với vẻ đẹp hình thức. Nó đại diện cho vẻ đẹp của phẩm chất con người.

Lao động là hoạt động riêng có của con người trong xã hội, về phương diện thẩm mỹ cũng có thể chia làm hai loại: lao động tự do, tức là những hoạt động lao động làm cho bản thân con người trực tiếp tham gia vào lao động cảm thấy hứng khởi, say mê, được coi là lao động đẹp, còn những yếu tố làm con người cảm thấy nô dịch, đầy ải không được coi là lao động đẹp – hai loại lao động này có quan hệ biện chứng qua lại với nhau; chỉ có trải qua lao động tha hoá con người mới tiến tới lao động tự do. Đạt đến lao động tự do thì những lao động tha hoá trước đây đối với các cá thể đó sẽ không còn tha hoá nặng nề nữa, nó có thể chuyển hoá thành lao động tự do.

Các cuộc đấu tranh xã hội, cách mạng ... về phương diện thẩm mỹ đối với từng cá nhân, từng tập đoàn xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định được đánh giá là đẹp, cũng có thể được xếp vào các loại giá trị thẩm mỹ.

Trong quan hệ giữa con người với con người: những cách ứng xử văn minh, lịch sử, nhân hậu, phù hợp với tiến bộ xã hội được quan niệm là đẹp.

Trong lĩnh vực nghệ thuật, lĩnh vực thứ ba, vẻ đẹp được bộc lộ một cách tập trung hơn, tinh túy hơn so với hai lĩnh vực đã nói ở trên. Vẻ đẹp xuất hiện trong nghệ thuật có ngọn nguồn trong hiện thực, nghĩa là nó phản ánh vẻ đẹp trong tự nhiên và xã hội. Bằng cách điển hình hoá, vẻ đẹp trong hiện thực phản ánh lại trong nghệ thuật trở nên lộng lẫy hơn, trau chuốt hơn. Ngay cả khi tác phẩm nghệ thuật phản ánh hiện thực xấu, hiện tượng ác thì nó vẫn có thể đẹp nếu như nó bộc lộ được tư tưởng nhân bản và tài năng của nghệ sĩ trong việc phản ánh điều ác, điều xấu ấy. Một tác phẩm nghệ thuật được coi là đẹp khi nó thoả mãn các yêu cầu sau:

- Thứ nhất, tác phẩm phải phản ánh một cách sinh động, chân thực cuộc sống.

- Thứ hai, tác phẩm phải hài hoà, hoàn thiện cả về nội dung lẫn hình thức, trong đó mức độ hoàn thiện của hình thức là yếu tố quyết định sản phẩm ấy có thể được coi là tác phẩm nghệ thuật hay không.

- Thứ ba, tác phẩm phải thể hiện được tình cảm nhân đạo chủ nghĩa, phải làm cho công chúng nghệ thuật tôn trọng giá trị con người, yêu cuộc sống nhân gian.

- Thứ tư, trong điều kiện có cuộc đấu tranh chính trị xã hội, có thể đưa thêm tiêu chí tính Đảng, tính giai cấp, tính dân tộc để đánh giá các tác phẩm, các xu hướng nghệ thuật.

3. Phạm trù cái bi

a. Bản chất thẩm mỹ của cái bi

Mỹ học Mác – Lênin khẳng định bi kịch là một loại hiện tượng xã hội, các hiện tượng của giới tự nhiên có thể gây sự thương cảm cho con người. Song nó không thuộc đối tượng phản ánh của cái bi. Hơn nữa mỹ học Mác – Lênin đặt vào trung tâm sự chú ý của mình cuộc đấu tranh nhằm giải phóng con người, vì vậy những sự đau thương do các quy luật tự nhiên mang lại, sự đau thương mang tính ngẫu nhiên không phải là đối tượng chính mà phạm trù cái bi phản ánh.

Cơ sở khách quan của bi kịch là những mâu thuẫn mang tính khách quan giữa con người với tự nhiên, giữa những lực lượng đối kháng trong xã hội và ngay trong bản thân con người khi đứng trước những lựa chọn của cuộc sống. Vì lẽ đó, bi kịch nảy sinh và tồn tại trong tất cả các xã hội, kể cả xã hội không có chế độ người bóc lột người, về căn bản bi kịch chỉ đổi từ hình thức này sang hình thức khác mà thôi.

Cơ sở bi kịch thể hiện qua các tình huống sau:

Thứ nhất, đó là sự thất bại của các lực lượng tiến bộ xã hội họ vùng dậy để khẳng định quyền tồn tại của mình. Song, đây là lực lượng non trẻ vì thế dễ bị các thế lực đang cầm quyền đàn áp, tiêu diệt. Đó là cuộc khởi nghĩa của các tầng lớp nhân dân lao động chống lại sự thống trị của giai cấp thống trị, các tư tưởng khoa học, chính trị xã hội mới, những người anh hùng đấu tranh nhằm chống lại sự bất công phi nhân bản với con người.

Thứ hai, đó là tình huống bi kịch của cái cũ. Thông thường những lực lượng xã hội cũ này vẫn còn có ý nghĩa tích cực nào đó, hoặc là cái cũ đang cố gắng vươn tới cái mới song không kịp thời, phải trả giá cho những sai lầm đã mắc phải trước đó.

Trong xã hội biểu hiện của cái bi khá đa dạng:

Bi hùng phản ánh sự hy sinh cho cái mới một cách cao cả. Nhân vật trong bi hùng hành động với ý thức trách nhiệm sâu sắc trước lịch sử. Sự hy sinh của nhân vật bi hùng này thức tỉnh mọi người đứng dậy đấu tranh cho những lý tưởng nhân đạo, đấu tranh cho lẽ phải, sự công bằng và những khát vọng chân chính của con người.

Bi kịch số phận mà các nhân vật chủ yếu là những lớp người bị bóc lột, bị áp bức và tất cả những ai đòi được sống là một con người, bi kịch số phận thường gắn với nguyên nhân trực tiếp và cơ bản là nhu cầu mang tính vật chất, do vậy nó có thể giải quyết được một cách căn bản bằng đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội.

Bi kịch lầm lạc phản ánh sự chống đối tuyệt vọng của những con người có nhân cách, có lý tưởng sống, nhưng lý tưởng sống ấy không còn phù hợp với xu thế lịch sử. Sự chống đối càng quyết liệt bao nhiêu càng bị kịch bấy nhiêu.

Bi kịch lạc quan phản ánh sự thất bại của những con người thuộc các lực lượng xã hội tiên tiến, tích cực. Sự hy sinh của các nhân vật bi kịch lạc quan là nhịp cầu đưa tới sự toàn thắng của lý tưởng mà họ theo đuổi.